TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2018/DS-PT
Ngày: 27-9-2018
V/v Tranh chấp về dân sự - quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước.

Bà Phạm Thị Liên Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Thành Biên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 30/8/2018, 06/9/2018, 27/9/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2017/TLPT-DS, ngày 28 tháng 11 năm 2017, về việc "Tranh chấp về dân sự - quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 222/2018/QĐ-PT, ngày 07 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thanh Triều D, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp Mỹ Đ, xã Phú Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Trung Đ, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 19, Nguyễn H, Phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Bị đơn: Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Mỹ Đ, xã Phú Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Bùi Văn Đ1, sinh năm 1971 (Cha chị D).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Đ, xã Phú Đ, huyện M, Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền là bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Mỹ Đ, xã Phú Đ, huyện M, Đồng Tháp (có mặt).

2. Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1969 (Mẹ chị D) (có mặt).

3. Bùi Thanh Triều D, sinh năm 1996 (Em chị D) (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ Đ, xã Phú Đ, huyện M, Đồng Tháp.

4. Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1962 (Vợ ông C) (vắng mặt ngày 6/9/2018 và ngày 27/9/2018).

Địa chỉ: Ấp Mỹ Đ, xã Phú Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

5. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966 (vắng mặt ngày 27/9/2018);

6. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1970 (Vợ ông N).

7. Chị Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm 1994 (Con ông N).

8. Chị Nguyễn Thị Diễm Phượng, sinh năm 1995 (Con ông N).

9. Anh Nguyễn Mi Đ, sinh năm 1996 (Con ông Nê).

Đại diện theo ủy quyền của chị T, chị M, anh Mi Đ: Là ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1969 (vắng mặt 27/9/2018).

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ Đ, xã Phú Đ, huyện M, Đồng Tháp.

10. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm1968 (vắng mặt);

11. Lê Thị T, sinh năm 1971 (Vợ ông D) (vắng mặt).

12. Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1994 (Con ông D) (vắng mặt).

13. Nguyễn Văn M, sinh năm 1996 (Con ông D) (vắng mặt).

14. Nguyễn Thị Cẩm Đ, sinh năm 1999 (Con ông D) (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ Đ, xã Phú Đ, huyện M, Đồng Tháp.

15. Ngô Văn B, sinh năm 1966.

16. Võ Thị C, sinh năm 1927 (Mẹ anh B).

17. Phan Thị T1, sinh năm 1977 (Vợ anh B)(vắng mặt ngày 6/9/2018 và ngày 27/9/2018).

Đại diện theo ủy quyền của bà Bà C, anh B là chị Phan Thị T, sinh năm 1977 (vắng mặt ngày 6/9/2018 và ngày 27/9/2018).

18. Ngô Thị Diệu P, sinh năm 2001 (Con anh B) (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của chị P là chị Phan Thị T.

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ Đ, xã Phú Đ, huyện M, Đồng Tháp.

19. Ủy ban nhân dân huyện M (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện M là ông Đinh Minh D – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M.

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Mỹ An, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Chị Bùi Thanh Triều D là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Bùi Thanh Triều D trình bày:*

Vào năm 2009, bà có nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị T hết diện tích đất thuộc thửa 886, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tập đoàn 6, ấp Mỹ Đ, xã Phú Đ, diện tích khoảng 06 công tầm cắt. Hợp đồng chuyển nhượng do con gái bà là chị Bùi Thanh Triều D đứng tên chuyển nhượng đất. Đến ngày 02/06/2010, chị Bùi Thanh Triều D được UBND huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 886, tờ bản đồ số 06, diện tích 6.500m^2. Hiện thửa 886 chưa được sửa sai diện tích vì diện tích thực tế của thửa 886, tờ bản đồ số 06, diện tích là 7.564m^2, đất chị Bùi Thanh Triều D hiện đang canh tác ổn định, không có ai tranh chấp, có tứ cận cắm trụ đá.

Đến tháng 06/2013, ông Nguyễn Văn C đã ngang nhiên kêu kobe đến cào phá hủy đất của chị Bùi Thanh Triều D chiều ngang 5m, chiều ngang 4.94m, chiều dài khoảng 174.8m (diện tích theo đo đạc là 869,6m^2) nằm trong thửa 886. Nay bà được chị Bùi Thanh Triều D ủy quyền yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Kim N trả lại diện tích đất chiều ngang 5m, chiều ngang 4.94m, chiều dài khoảng 174.8m (diện tích theo đo đạc 869,6m^2) và bồi thường tiền chi phí sang lấp mặt bằng 4.658.932 đồng.

- *Ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp vào năm 1987 cha vợ ông (cụ Nguyễn Văn Tốt) cho vợ chồng ông một số đất để khai phá làm ruộng. Trong đó, có đường nước chiều ngang 5m, chiều dài khoảng 300m từ đầu sông Kênh ba đến ruộng, để dẫn nước vào ruộng canh tác, đường nước giáp đất ông Nguyễn Văn O. Đến năm 2002, ông Nguyễn Văn O đổi đất với ông Nguyễn Văn N diện tích là 6.500m^2 để chuyển nhượng lấy tiền trị bệnh. Sau đó, ông Nguyễn Văn N chuyển nhượng phần đất đổi cho chị Bùi Thanh Triều D với diện tích 6.500m^2. Chị Bùi Thanh Triều D yêu cầu hộ ông trả lại phần đất bao chiếm chiều ngang 5m, chiều ngang 4.94m, chiều dài 174.8m (diện tích theo đo đạc 869,6m^2) và bồi thường tiền chi phí san lấp 4.658.932 đồng, ông không đồng ý. Vì phần đất này ông sử dụng ổn

định từ khi cha vợ ông cho đến nay, ông đã trồng tràm, trâm bầu bán cho ông M (chết), bà T1 và ông đã sử dụng đường nước để dẫn nước vào ruộng. Còn chị Bùi Thanh Triều D mới chuyển nhượng đất của hộ ông Nguyễn Văn N sau này, trước khi ông Nguyễn Văn N đổi đất là ông đã sử dụng phần đất tranh chấp này, ông yêu cầu chị Bùi Thanh Triều D phải tách bộ, sang tên phần đất ông đang sử dụng chiều ngang 5m, chiều ngang 4.94m, chiều dài khoảng 174.8m (diện tích theo đo đạc 869,6m^2) cho ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:* Thống nhất theo ý kiến của ông Nguyễn Văn C không đồng ý trả đất và bồi thường thiệt hại.

- Ông Bùi Văn Đ thống nhất theo lời trình bày của bà Huỳnh Thị Thanh T.

- *Bà Huỳnh Thị Thanh T trình bày thêm:* Phần đất này trước đó ông Nguyễn Văn C hay ông Nguyễn Văn N sử dụng bà không biết, nhưng khi chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Văn N thì có một số cây tràm lớn. Bà có kêu ông Nguyễn Văn N đốn để giao đất thì ông Nguyễn Văn N đốn và giao đất cho chị Bùi Thanh Triều D sử dụng. Bà không đồng ý tách bộ, sang tên phần đất tranh chấp diện tích theo đo đạc 869,6m^2 cho ông Nguyễn Văn C.

Bản án sơ thẩm số 36/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thanh Triều D yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Kim N bồi thường chi phí san lấp mặt bằng số tiền 5.341.068 đồng.

Bác yêu cầu của chị Bùi Thanh Triều D yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Kim N trả diện tích đất 869,6m^2, thuộc một phần thửa 886, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Mỹ Đ, xã Phú Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp và yêu cầu bồi thường chi phí san lấp mặt bằng số tiền 4.658.932 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C yêu cầu chị Bùi Thanh Triều D tách bộ, sang tên diện tích 869,6m^2 đất (lúa), thuộc một phần thửa 886, tờ bản đồ số 06, quyền sử dụng đất cấp ngày 02/6/2010 tên Bùi Thanh Triều D, đất tọa lạc tại ấp Mỹ Đ, xã Phú Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích đất trong phạm vi các trụ cây số 01, 06, 07, 11 đến trụ cây số 01, phần đất tranh chấp ông Nguyễn Văn C đang sử dụng.

Buộc chị Bùi Thanh Triều D phải sang tên chuyển quyền sử dụng diện tích 869,6m^2 đất (lúa), thuộc một phần thửa 886, tờ bản đồ số 06, quyền sử dụng đất cấp ngày 02/6/2010 tên Bùi Thanh Triều D qua cho ông Nguyễn Văn C đứng tên quyền sử dụng đất.

(Kèm theo Bản đồ trích đo hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 02/01/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tháp Mười và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 23/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười).

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp thu hồi diện tích 869,6m^2 đất (lúa), thuộc một phần thửa 886, tờ bản đồ số 06, quyền sử dụng đất cấp ngày 02/6/2010 tên Bùi Thanh Triều D để cấp lại cho ông Nguyễn Văn C đứng tên quyền sử dụng đất.

Các bên đương sự đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký và điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo luật định.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Bùi Thanh Triều D nộp 2.707.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.187.500 đồng, theo lai thu số 026820 ngày 03/11/2014 và lai thu số 031978 ngày 16/03/2015, chị Bùi Thanh Triều D phải nộp tiếp 1.519.500 đồng.

- Ông Nguyễn Văn C được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 10053 ngày 04/04/2017.

Các đương sự nộp tiền án phí và nhận lại tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự Tháp Mười.

Về chi phí thẩm định tại chỗ và định giá: Chị Bùi Thanh Triều D nộp 4.091.000đ chi phí thẩm định, định giá và đã nộp xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2017 nguyên đơn Bùi Thanh Triều D có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Tháp Mười.

Yêu cầu Tòa án tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm buộc ông Nguyễn Văn C trả lại cho chị diện tích đất là 869,6m^2, đất lúa thuộc một phần thửa số 886, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại tập đoàn 6, ấp Mỹ Điền, xã Phú Điền, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp do chị đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bồi thường cho chị phần đất ông C đã cào phá không cho sử dụng với số tiền là 4.658.932 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo, xác định đất tranh chấp chưa được cấp giấy, nhưng nằm trong cùng thửa đất số 886 mà vợ chồng ông N, bà T đã chuyển nhượng hết thửa cho chị D, nên yều cầu hộ ông C, bà Kim N phải giao trả đất cho chị D; không công nhận QSDĐ cho ông C và hộ ông C phải bồi thường thiệt hại về việc cào phá không cho sử dụng đất số tiền là 4.658.932đ.

Phía bị đơn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày ở cấp sơ thẩm và yêu cầu phúc thẩm xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N khẳng định, ông nhận đổi đất của ông O diện tích là 6.500m^2, ông chuyển nhượng 6.500m^2 đất này cho chị D, không chuyển hết thửa như chị D nói, đất tranh chấp là mương và bờ của ông C đã sử dụng từ xưa.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đã phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của pháp luật; về nội dung Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Theo kết quả thẩm định, thì đất tranh chấp có nguyên trạng xưa là đất mương nước liền kề bờ lối đi, chạy dọc theo chiều dài 1 bên là thửa đất 886 của chị D, 1 bên là giáp ranh đất của bà P, có chiều dài 175,06m; bề ngang 2 đầu (hướng trong vườn là 5m, và hướng ngoài đồng là 4,94m; đều giáp đất ông C) diện tích 869,6m^2, đất hiện tại do ông C sử dụng, trước đây làm mương dẫn nước và làm bờ lối đi từ đất phía ngoài vào đất phía trong của ông C được cha vợ là ông T cho, nay ông C đã san lấp thành mặt bằng phẳng.

[2]. Thửa đất 886 của chị D có nguồn gốc cũng là của ông T cho con là ông O, ông O đổi đất này lại cho ông N là em rễ canh tác, trong giai đoạn ông O, ông N canh tác đều đã có đắp bờ ranh phân biệt tiếp giáp cập theo mương nước của ông C, hiện nay cái bờ mương nước này vẫn còn. Ông N xác định khi nhận đổi đất của ông O cũng chỉ nhận đến bờ ranh cập mương, phần mương nước và bờ vẫn là của ông C sử dụng và khi ông chuyển nhượng cho chị D ông cũng chuyển đúng theo diện tích 6.500m^2 thuộc phạm vi nhận đổi của ông O, không chuyển, không giao phần mương và bờ của ông C.

[3]. Chị D cho rằng nhận nhượng của ông N là 6 công tầm cắt, giá 20 chỉ vàng/công, theo giao kết là hết thửa, khi giao đất có đo giao luôn cả phần tranh chấp, nên chị D phải giao vàng đến 115 chỉ và ông N, bà T2 có làm Bản giao và nhận đất, có ghi bán hết thửa, giao chị D yêu cầu chính quyền đo đạc nâng bộ cho đúng vị trí, diện tích. Nhưng số vàng 115 chỉ, không tương ứng diện tích 6 công hay thực tế 7.621,2m^2 và giấy giao nhận có nội dung như Chị D nói thì phía ông N, bà T2 không thừa nhận, giấy này cũng không ghi ngày tháng năm, không có căn cứ xác định thời điểm xác lập nên không có ý nghĩa chứng minh, nên cả 2 tình tiết này đều không có cơ sở chứng minh tính xác thực cho lý lẽ khai nại của chị D. Mặc khác, sau khi nhận nhượng đất xong chị D cũng không tiến hành thủ tục kê khai, đăng ký biến động bổ sung tăng diện tích, chị D không đưa ra được chứng cứ chứng minh khi nhận nhượng có đo đạc giao đất đến hết mương và bờ giáp ranh đến đất bà P và không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh chị nhận nhượng hết thửa bằng diện tích 7.621,2m^2.

[4]. Trên thực tế, hồ sơ quản lý đất đai thể hiện: Cấp giấy ông O, ông N nhận đổi đều là 6.500m^2, ông N chuyển chị D trên hợp đồng, được cấp giấy là 6.500m^2, UBND huyện xác định khi đăng ký cấp giấy và khi chuyển không đo đạc, chuyển và cấp giấy theo hợp đồng. Như vậy, chứng tỏ giao dịch, giao nhận đất, đăng ký, được cấp giấy và làm chủ QSDĐ của chị D là 6.500m^2, hiện trạng chị D đang sử dụng đến 6.751,2m^2 là đã nhiều hơn nhận nhượng mà chị D tranh chấp đòi ông C trả cho chị thêm phần đất tranh chấp 869,6m^2 là không có căn cứ và đương nhiên chị D cũng không có căn cứ yêu cầu bồi thường thiệt hại liên quan đến đất này.

[5]. Theo như ông T cán bộ địa chính xã khai nhận là đất tranh chấp gồm mương và bờ là của ông C nằm trong thửa 886, chị D yêu cầu anh có đến đo đạc thửa đất để điều chỉnh diện tích và đo phần đất mương và bờ để tách thửa cho ông C, nhưng do bề ngang nhỏ, không tách được nên dừng lại và UBND huyện Tháp Mười cũng đã có văn bản trả lời Tòa án xác định là đất tranh chấp 869,6m^2 đã cấp giấy chung trong thửa 886, diện tích trên giấy cấp 6.500m^2 là không đúng thực tế, do lúc cấp không có đo đạc, nên không chính xác. Như vậy, diện tích đất tranh chấp từ xưa đến nay đều do ông C sử dụng, đã rõ là của ông C nhưng nằm chung trong thửa đất số 886 của chị D nhà nước đã cấp giấy QSDĐ là thật.

[6]. Đất tranh chấp có đủ cơ sở xác định của ông C, hiện do ông C đang sử dụng và xác định đã cấp giấy CN.QSDĐ chung trong thửa 886, vậy nên phải tuyên án không chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của chị D; ông C có yêu cầu công nhận QSDĐ, nên chấp nhận yêu cầu và công nhận QSDĐ cho ông C đối với đất

tranh chấp và chị D, ông C phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký điều chỉnh diện tích, UBND huyện sẽ thu hồi và cấp giấy CN.QSDĐ theo diện tích cụ thể sử dụng của các đương sự theo quy định pháp luật. Không cần thiết phải tuyên buộc chị D lập thủ tục tách chuyển giấy sang tên QSDĐ.

[7]. Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ được chấp nhận.

[8]. Từ những tình tiết, nội dung nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu về tranh chấp QSDĐ, đòi lại diện tích đất 869,6m^2 của chị Bùi Thanh Triều D đối với hộ ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Kim N; công nhận QSDĐ tranh chấp 869,6m^2 cho hộ ông Ch, bà Kim N là có căn cứ pháp luật; chị D kháng cáo đưa ra yêu cầu buộc hộ ông C, bà Kim N trả đất tranh chấp cho chị là không có cơ sở pháp luật, không được chấp nhận; phải giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[9]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị D phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

[10]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11]. Tuy nhiên, do phần quyết định án sơ thẩm tuyên quá dài dòng, không cụ thể, phúc thẩm cần thiết phải sửa cách tuyên án cho cụ thể rõ ràng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 5, khoản 3 Điều 100, Điều 166, Điều 170 Luật Đất đai; Điều 589 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/12/2009 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Bùi Thanh Triều D; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 36/2017/DS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thanh Triều D về yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Kim N bồi thường chi phí sang lấp mặt bằng số tiền 5.341.068 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thanh Triều D về yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Kim N trả diện tích đất 869,6m^2, thuộc một phần thửa 886, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại ấp Mỹ Đ, xã Phú Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp và yêu cầu về bồi thường chi phí san lấp mặt bằng số tiền 4.658.932 đồng.

4. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C, công nhận quyền sử dụng đất cho ông C đối với phần đất tranh chấp theo hiện trạng ông C đang sử dụng diện tích 869,6m^2 đất (lúa), thuộc một phần thửa 886, tờ bản đồ số 06, giấy cấp ngày 02/6/2010 tên Bùi Thanh Triều D, đất tọa lạc tại ấp Mỹ Đ, xã Phú Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp. Diện tích đất trong phạm vi các trụ cây số 01, 06, 07, 11 đến trụ cây số 01, theo Mãnh trích đo địa chính số 04-2015 đo hiện trạng thửa đất tranh chấp ngày 02/01/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện M.

5. Các bên đương sự chị D, ông C phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kê khai, đăng ký và điều chỉnh diện tích và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản án đã tuyên, Ủy ban nhân dân huyện M thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị Bùi Thanh Triều D đối với diện tích 869,6m^2 đất lúa thuộc một phần diện tích của thửa đất số 886, tờ bản đồ số 6 tại xã Phú Đ, huyện M, Đồng Tháp để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C theo luật định.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Bùi Thanh Triều D phải nộp 2.707.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.301.500 đồng theo các biên lai thu số 026820 ngày 03/11/2014, số 031978 ngày 16/03/2015 và số 032223 ngày 10/6/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, chị Bùi Thanh Triều D phải nộp tiếp 1.405.500 đồng.

- Ông Nguyễn Văn C được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 10053 ngày 04/04/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

7. Về chi phí thẩm định tại chỗ đo đạc và định giá: Chị Bùi Thanh Triều D nộp 4.091.000 đồng (đã nộp xong).

8. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Bùi Thanh Triều D phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng ngày12/10/2017 theo biên lai thu số 01475 của Chi cục Thi hành án dân dân huyện Tháp Mười (chị D không phải nộp thêm).

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Phương